CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - TÂY NINH
Địa chỉ: Cảng cạn Tân Cảng – Mộc Bài, Đường 6A, Xã Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
MST: 3901222613
Email: tancangtayninh@saigonnewport.com.vn.

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ TẠI TẠI ĐỊA ĐIỂM TẬP KẾT 45B1C03

(Ban hành kèm theo quyết định số: 1326 /QĐ-TCTN ngày 11 tháng 3 năm 2026)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Định nghĩa tên gọi:

- Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tập trung tại cửa khẩu quốc tế Mộc Bài tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh có mã địa điểm lưu kho: 45B1C03; mã triển khai VASSCM: VNVE4 (Dưới đây gọi tắt là "Địa điểm tập kết").
- TCTN: Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh.
- Depot: Depot Tân Cảng – Mộc Bài.
- Container IMDG: là container chứa hàng nguy hiểm.
- Container hàng chuyên dụng: Là các container chuyên dụng (Tank, flatrack, platform, Opentop) có chứa hàng hóa không vượt kích thước của container tiêu chuẩn và trọng lượng không vượt quá 30 tấn.
- Container OOG: Là các container chuyên dụng (flatrack, platform, Opentop) có chứa hàng hóa vượt kích thước của container tiêu chuẩn hoặc trọng lượng vượt quá 30 tấn.

2. Đối tượng áp dụng:

- Container được xếp dỡ, giao nhận, lưu trữ, bảo quản tại Địa điểm tập kết.
- Phương tiện cơ giới nguyên chiếc, phương tiện cơ giới thô sơ, phương tiện có hoặc không chở hàng hóa neo đậu, lưu thông qua Địa điểm tập kết.
- Khách hàng, các hãng tàu, chủ hàng, chủ phương tiện có phát sinh sử dụng dịch vụ tại Địa điểm tập kết.

3. Nguyên tắc tính giá:

- Thực hiện công đoạn nào thì tính giá công đoạn đó.
- Các giá dịch vụ trong biểu giá này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng.
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (đồng).

4. Thời gian làm việc:

- Ngày làm việc hành chính: các ngày trong tuần trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết và các ngày nghỉ theo quy định.
- Giờ làm việc hành chính: từ 7h30 – 17h00 các ngày làm việc hành chính.
- Các phòng, ban, bộ phận trực phục vụ làm hàng 24/24h: Bộ phận chăm sóc khách hàng, phòng Điều độ và các bộ phận có liên quan.

B. BIỂU CƯỚC DỊCH VỤ

I. GIÁ CƯỚC PHƯƠNG TIỆN LƯU THÔNG QUA ĐỊA ĐIỂM TẬP KẾT

1. Đối với phương tiện có chở hàng hóa

TT	Nội dung	Đơn giá trong 24 giờ đầu tiên	Sau 24 giờ đầu tiên
1	Xe container, xe kéo rơ mooc, xe tải	100.000 đồng/xe/24 giờ	100.000 đồng/xe/24 giờ
2	Xe chở hàng quá khổ, quá tải	150.000 đồng/xe/24 giờ	150.000 đồng/xe/24 giờ

2. Đối với phương tiện không chở hàng hóa

TT	Nội dung	Đơn giá trong 2 giờ đầu tiên	Sau 2 giờ đầu tiên
1	Xe container, xe kéo rơ mooc, xe tải	50.000 đồng/xe/2 giờ	100.000 đồng/xe/24 giờ
2	Xe kéo rơ mooc quá khổ	100.000 đồng/xe/2 giờ	150.000 đồng/xe/24 giờ

- Trường hợp phương tiện neo đậu quá thời gian được xác định là do lỗi của Địa điểm tập kết hoặc do các sự cố khách quan thì không thu phí quá hạn 24h. Phòng điều độ sẽ trực tiếp xử lý cụ thể.

- Rơ mooc lưu tại Địa điểm tập kết được tính phí neo đậu như xe chở rơ mooc và phải được điều độ TCTN chấp thuận.

- Trường hợp khách hàng đăng ký dịch vụ nâng/hạ container hàng/rỗng tại bãi Địa điểm tập kết, TCTN sẽ không thu phí lưu thông qua cảng cạn tại mục I này.

II. BIỂU CƯỚC DỊCH VỤ CONTAINER

1. Giao nhận container của hãng tàu:

1.1. Đối tượng áp dụng:

Các container có chứng từ của hãng tàu hoặc được hãng tàu chỉ định giao nhận tại Depot.

1.2. Cước dịch vụ nâng hạ container rỗng của hãng tàu:

Đơn vị tính: Đồng/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
		20'	40'	45'	20'	40'
1	Nâng/Hạ container rỗng thông thường	1.000.000	1.500.000	1.740.000	1.160.000	1.780.000
2	Cấp container rỗng chỉ định số	1.380.000	1.980.000	2.220.000	1.920.000	2.180.000

*** Đối với container rỗng chuyên dụng (Opentop, Flatrack, Tank):** Cước xếp dỡ tăng 50% đơn giá so với container thường.

2. Giao nhận container của khách hàng:

2.1 Cước dịch vụ nâng hạ container hàng của khách hàng:

Đơn vị tính: đồng/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
		20'	40'	45'	20'	40'
1	Nâng/ Hạ container hàng Bãi ⇔ Xe	480.000	600.000	750.000	600.000	750.000
2	Nâng container hàng từ rơ mooc này sang rơ mooc khác	480.000	600.000	750.000	600.000	750.000
3	Đảo chuyển container hàng theo yêu cầu của khách hàng tại bãi	*Tính theo số lượng container thực tế đảo chuyển trong bãi để lấy container (Có xác nhận của điều độ). Đảo chuyển dưới 5 container không tính phí này*				
	- Không sử dụng xe đầu kéo hoặc sử dụng xe khách hàng	120.000	150.000	180.000	150.000	180.000
	- Sử dụng xe đầu kéo TCTN	240.000	300.000	360.000	300.000	360.000

*** Đối với container hàng IMDG, container hàng chuyên dụng**: Tăng 50% đơn giá container hàng thông thường.

2.2 Cước dịch vụ nâng hạ container rỗng của khách hàng:

Đơn vị tính: đồng/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
		20'	40'	45'	20'	40'
1	Nâng/ Hạ container rỗng Bãi ⇔ Xe	320.000	400.000	450.000	360.000	450.000
2	Nâng container rỗng từ rơ mooc này sang rơ mooc khác	320.000	400.000	450.000	360.000	450.000
3	Đảo chuyển container rỗng theo yêu cầu của khách hàng	*Tính theo số lượng container thực tế đảo chuyển trong bãi để lấy container (Có xác nhận của điều độ). Đảo chuyển dưới 5 container không tính phí này*				
	- Không sử dụng xe đầu kéo hoặc sử dụng xe khách hàng	100.000	130.000	150.000	130.000	150.000
	- Sử dụng xe đầu kéo TCTN	200.000	260.000	300.000	260.000	300.000

*** Đối với container rỗng chuyên dụng:** đơn giá xếp dỡ được tính như đối với container rỗng thông thường.

3. Cước lưu bãi container của khách hàng

Đơn vị tính: Đồng/container/ngày

THỜI GIAN LƯU BÃI	ĐƠN GIÁ LƯU BÃI CONTAINER		
	20'	40'	45'
1. Container có hàng thông thường (miễn phí 7 ngày đầu tiên)			
Từ ngày thứ 8 trở đi	50.000	70.000	85.000
2. Container hàng IMDG, container hàng chuyên dụng (miễn phí 3 ngày đầu tiên)			
Từ ngày thứ 4 trở đi	80.000	100.000	120.000
3. Container rỗng (miễn phí 7 ngày đầu tiên)			
Từ ngày thứ 8 trở đi	30.000	50.000	60.000

4. Dịch vụ vệ sinh container rỗng của khách hàng

4.1 Đối với container rỗng thông thường

Đơn vị tính: Đồng/container

TT	Nội dung	Cont20'	Cont40'	Cont45'
1	Quét dọn	50.000	75.000	75.000
2	Phí nhổ đinh	75.000	75.000	75.000
3	Phí rửa bằng nước thông thường			
3.1	*Rửa sàn*	100.000	150.000	150.000
3.2	*Rửa sàn và vách*	150.000	200.000	200.000
4	Phí rửa bằng hóa chất			
4.1	*Rửa sàn*	200.000	300.000	300.000
4.2	*Rửa sàn và vách*	260.000	360.000	360.000
5	Phí rửa sàn bằng nước nóng	280.000	390.000	390.000

4.2 Đối với container lạnh

Đơn vị tính: Đồng/container

TT	Nội dung	Cont20'	Cont40'
1	Vệ sinh mặt trong container		
1.1	*Rửa nước thông thường (Không gồm mặt máy)*	270.000	450.000
1.2	*Rửa nước thông thường (Gồm mặt máy)*	900.000	1.050.000
2	Phí rửa container bằng hóa chất	600.000	900.000

4.3 Dịch vụ bóc tem rỗng IMDG

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Phụ phí dịch vụ bóc tem IMDG	Đồng/tem	120.000
2	Phí bóc tem	Đồng/container	20.000

*** Lưu ý:** Đối với container rỗng còn quá nhiều hàng thừa trong container hoặc chứa các loại rác thải nguy hại, khó tiêu hủy… TCTN có quyền từ chối không làm vệ sinh cont hoặc sẽ thu phí thỏa thuận và sẽ thông báo trước khi thực hiện.

III. Quy định khác

- Đối với container OOG, hàng siêu trường, siêu trọng: Đơn giá sẽ theo thỏa thuận cho từng tác nghiệp cụ thể.

- Các dịch vụ khác chưa quy định trong biểu giá này sẽ được xây dựng trên cơ sở thỏa thuận giữa Tân Cảng – Tây Ninh và Quý khách hàng.

- Các trường hợp có ký hợp đồng với Tân Cảng – Tây Ninh thì tính theo giá hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện, TCTN có thể điều chỉnh một hoặc một số khoản mục trong biểu giá để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh./.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3901222613 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - TÂY NINH
H. BẾN CẦU - T. TÂY NINH

Bùi Hải Dương